|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ THI THỬ**  **THEO ĐỀ MINH HỌA 2021**  **ĐỀ SỐ 4** | **ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2021**  **Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI**  **Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ**  *Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề* |

**Họ, tên thí sinh: …………………………………………………**

**Số báo danh: …………………………………………………….**

**Câu 41:** Nguyên nhân chính làm cho sinh vật biển nước ta ngày càng bị suy giảm là do

**A.** đánh bắt xa bờ. **B.** khai thác quá mức. **C.** thiên tai gia tăng. **D.** xuất khẩu hải sản.

**Câu 42:** Biện pháp hạn chế xói mòn đất ở đồi núi nước ta là

**A.** bón phân thích hợp **B.** đẩy mạnh thâm canh. **C.** làm ruộng bậc thang. **D.** xen canh, tăng vụ.

**Câu 43:** Cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ nước ta hiện nay

**A.** chỉ tập trung ở một số khu vực. **B.** phân bố đều khắp giữa các vùng.

**C.** tăng tỉ trọng khu vực nhà nước. **D.** tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác.

**Câu 44:** Vùng códiện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản lớn nhất nước ta là

**A.** Nam Trung Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng. **C.** Đông Nam Bộ. **D.** Đồng bằng sông cửu Long.

**Câu 45:** Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây công nghiệp ở Đông Nam Bộ là

**A.** thủy lợi. **B.** phân bón. **C.** bảo vệ rừng. **D.** giống mới.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết mũi Đại Lãnh thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Bình Định. **B.** Ninh Thuận. **C.** Bình Thuận. **D.** Phú Yên.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Nam Trung Bộ?

**A.** Lạng Sơn. **B.** Nha Trang. **C.** Đồng Hới. **D.** Cần Thơ.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ Hòa Bình nằm trong lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

**A.** Sông Ba. **B.** Sông Mã. **C.** Sông Cả. **D.** Sông Hồng.

**Câu 49:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết vườn quốc gia nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?

**A.** Tràm Chim. **B.** Cát Tiên. **C.** Pù Mát. **D.** Bù Gia Mập.

**Câu 50:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi nào cao nhất trong các núi sau đây?

**A.** Braian. **B.** Bà Rá. **C.** Bi Doup. **D.** Lang Bian.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết tỉnh nào có mật độ dân số cao nhất trong các tỉnh sau đây?

**A.** Bắc Ninh. **B.** Nghệ An. **C.** Quảng Bình. **D.** Lai Châu.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn nhất?

**A.** Bình Định. **B.** Quảng Bình. **C.** Quảng Nam. **D.** Nghệ An.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác lớn hơn thủy sản nuôi trồng?

**A.** Bến Tre. **B.** Bạc Liêu. **C.** Bình Thuận. **D.** Sóc Trăng.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Bỉm Sơn có ngành nào sau đây?

**A.** Dệt, may. **B.** Cơ khí. **C.** Đóng tàu. **D.** Luyện kim màu.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biếttrung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô rất lớn?

**A.** Vũng Tàu. **B.** Biên Hòa. **C.** TP. Hồ Chí Minh. **D.** Thủ Dầu Một.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây có du lịch biển?

**A.** Đà Lạt. **B.** Cần Thơ. **C.** Hà Nội. **D.** Nha Trang.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết nhà máy nhiệt điện Na Dương thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Hà Giang. **B.** Quảng Ninh. **C.** Cao Bằng. **D.** Lạng Sơn.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết tỉnh Hà Tĩnh có khu kinh tế ven biển nào sau đây? **A.** Nghi Sơn. **B.** Chân Mây - Lăng Cô. **C.** Vũng Áng. **D.** Hòn La.

**Câu 59:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có nhà máy thủy điện nào sau đây?

**A.** Xê Xan 3A. **B.** A Vương. **C.** Xê Xan 3. **D.** Yaly.

**Câu 60:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết vùng Đồng bằng sông Cửu Long có khoáng sản nào sau đây?

**A.** Than đá. **B.** Than nâu. **C.** Thiếc. **D.** Than bùn.

**Câu 61:** Cho bảng số liệu:

XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

*(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | **Ma-lai-xi-a** | **Thái Lan** | **Xin-ga-po** | **Việt Nam** |
| Xuất khẩu | 254,02 | 364,42 | 642,29 | 264,19 |
| Nhập khẩu | 221,73 | 285,26 | 545,56 | 253,07 |

# (Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ của một số quốc gia năm 2019?

**A.** Ma-lai-xi-a nhập siêu, Thái Lan xuất siêu. **B.** Việt Nam xuất siêu thấp hơn Ma-lai-xi-a.

**Câu 62:** Cho biểu đồ:



**Tỷ đô la Mỹ**

400

364 372

350

323

303

300

297 297

255

250

236

200

150

100

50

0

**Năm**

2010 2013 2016 2019

**GDP CỦA MALAIXIA VÀ SINGAPO, GIAI ĐOẠN 2010 - 2019**

Malaixia

Singapo

*(Số liệu theo Niên giám thông kê Việt Nam 2019, NXB Thông kê, 2020)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh sự thay đổi GDP của Malaixia và Singapo từ năm 2010 đến năm 2019?

**A.** GDP của Malaixia và Singapo tăng liên tục. **B.** Quy mô GDP của Singapo luôn lớn hơn Malaixia.

**C.** GDP của Malaixia tăng nhanh hơn Singapo. **D.** GDP của Singapo tăng nhanh hơn Malaixia.

**Câu 63:** Nƣớc ta nằm trong khu vực gió mùa Châu Á nên

**A.** nhiệt độ trung bình năm cao. **B.** nắng nhiều, tổng bức xạ lớn.

**C.** khí hậu có hai mùa rõ rệt. **D.** lƣợng mƣa lớn, độ ẩm cao.

**Câu 64:** Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế nƣớc ta hiện nay

**A.** giảm tỉ trọng lao động nông thôn, tăng thành thị.

**B.** tăng rất nhanh lao động công nghiệp và dịch vụ.

**C.** phân bố tập trung ở thành thị, giảm ở nông thôn.

**D.** tập trung chủ yếu ở khu vực kinh tế ngoài nhà nƣớc.

**Câu 65:** Quá trình đô thị hóa ở nước ta hiện nay

1. tỉ lệ dân thành thị không thay đổi, phân bố tập trung.
2. chủ yếu là đô thị lớn, số đô thị khác nhau ở các vùng.
3. số dân ở đô thị nhỏ hơn nông thôn, có hu hướng giảm.
4. tỉ lệ dân thành thị tăng, phân bố không đều giữa các vùng.

**Câu 66:** Cơ cấu sản phẩm công nghiệp của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu là để

**A.** khai thác tốt hơn thế mạnh về khoáng sản. **B.** tận dụng tối đa nguồn vốn từ nước ngoài.

**C.** phù hợp hơn với yêu cầu của thị trường. **D.** sử dụng có hiệu quả hơn nguồn lao động. **Câu 67:** Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp nước ta hiện nay đang

1. hình thành các vùng chuyên canh cây lương thực quy mô lớn.
2. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi.
3. tăng tỉ trọng chăn nuôi gia súc, giảm tỉ trọng chăn nuôi gia cầm.
4. đẩy mạnh sản xuất nông sản, phát triển công nghiệp chế biến.

**Câu 68:** Ngành nuôi trồng thủy sản nước ta hiện nay

1. giảm tỉ trọng khai thác, tăng tỉ trọng nuôi trồng thủy sản.
2. phát triển nhanh vượt bậc, năng suất lao động khá cao.
3. tàu thuyền, phương tiện hiện đại, chủ yếu đánh bắt xa bờ.
4. tăng tỉ trọng khai thác, giảm tỉ trọng thủy sản nuôi trồng.

**Câu 69:** Giao thông vận tải đường hàng không nước ta

1. cơ sở vật chất được hiện đại hóa, mạng lưới phủ kín các vùng.
2. là ngành non trẻ, có bước tiến rất nhanh nhờ chiến lược táo bạo.
3. đang phát triển theo hướng cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa.
4. cơ sở hạ tầng còn nghèo nàn, chủ yếu phục vụ nhu cầu trong nước.

**Câu 70:** Các vũng, vịnh nước sâu ven biển nước ta có nhiều tiềm năng để phát triển

**A.** hoạt động du lịch biển nghỉ dưỡng, thể thao. **B.** dịch vụ hàng hải, xây dựng cảng biển nước sâu.

**C.** khai thác khoáng sản biển và sản xuất muối. **D.** nuôi trồng,đánh bắt hải sản và sản xuất muối.

**Câu 71:** Kim ngạch xuất khẩu của nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây chủ yếu do

 **A.** đẩy mạnh khai thác khoáng sản các loại. **B.** đẩy mạnh công nghiệp hóa và đô thị hóa. **C.** tích cực mở rộng thêm nhiều thị trường. **D.** cótham gia của nhiều thành phần kinh tế

**Câu 72:** Thế mạnh chủ yếu để phát triển ngành công nghiệp chế biến lương thưc, thực phẩm ở Đồng bằng Sông Hồng hiện nay là

1. thị trường tiêu thụ rộng lớn, thu hút mạnh vốn đầu tư.
2. nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.
3. cơ cấu ngành đa dạng, nguồn nguyên liệu phong phú.
4. cơ sở nguyên liệu phong phú, thị trường tiêu thụ lớn.

**Câu 73:** Giải pháp chủ yếu để thu hút khách du lịch quốc tế đến với Duyên hải Nam Trung Bộ là

1. đầu tư cơ sở hạ tầng, tăng cường quảng bá hình ảnh du lịch.
2. tăng cường quảng bá hình ảnh du lịch, bảo vệ môi trường.
3. bảo vệ môi trường, phát triển, đa dạng các loại hình du lịch.
4. phát triển đa dạng các loại hình du lịch, đầu tư cơ sở hạ tầng.

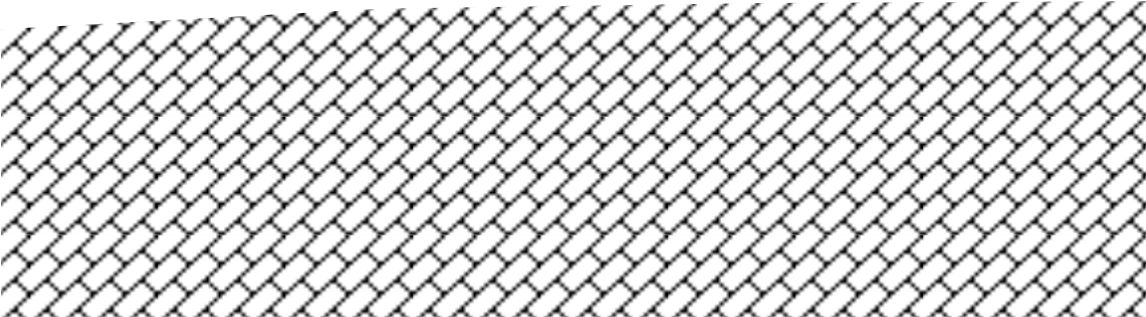
**Câu 74:** Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ là

1. sử dụng hợp lí tài nguyên đất, góp phần bảo vệ môi trường.
2. giải quyết việc làm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.
3. khai thác tốt hơn thế mạnh, tạo ra nhiều nông sản hàng hóa.
4. chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tăng hiệu quả của đầu tư.

**Câu 75:** Cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển của Bắc Trung Bộ đang có sự thay đổi rõ nét là do

1. chú trọng đánh bắt xa bờ, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
2. đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản nước lợ và nước mặn.
3. mở rộng công nghiệp chế biến, đẩy mạnh xuất khẩu.
4. cơ sở hạ tầng nghề cá phát triển, nhu cầu thị trường lớn.

**Câu 76:** Cho biểu đồ về xuất khẩu, nhập khẩu của nước ta, giai đoạn 2010 – 2018:



46.1

49.4

50.3

50.6

53.9

50.6

49.7

49.4

0

20

40

60

80

100

2010

2015

2017

2018

**%**

**Năm**



Nhập khẩu



Xuất khẩu

*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

1. Quy mô, cơ cấu xuất khẩu, nhập khẩu của nước ta
2. Thay đổi quy mô xuất khẩu, nhập khẩu của nước ta**.**
3. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu, nhập khẩu của nước ta.
4. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu, nhập khẩu của nước ta.

**Câu 77:** Bắc Bộ có mưa nhiều vào mùa hạ chủ yếu do tác động của

1. gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, Tín phong bán cầu Bắc và dải hội tụ.
2. Tín phong bán cầu Bắc và địa hình vùng núi, áp thấp nhiệt đới và dải hội tụ.
3. gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, dải hội tụ nhiệt đới, hoạt động của bão.
4. gió mùa Tây Nam, gió phơn, địa hình núi, bão, áp thấp nhiệt đới và dải hội tụ.

**Câu 78:** Chăn nuôi bò sữa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ gần đây được phát triển mạnh do tác động chủ yếu của

1. cơ sở hạ tầng phát triển, nguồn thức ăn được đảm bảo.
2. nguồn thức ăn được đảm bảo, nhu cầu thị trường tăng.
3. nhu cầu thị trường tăng, nhiều giống mới năng suất cao. **D.** nhiều giống mới năng suất cao, cơ sở hạ tầng phát triển.

**Câu 79:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

1. giải quyết việc làm cho người lao động, tạo nhiều nông sản hàng hóa.
2. thúc đẩy hình thành nông trường quốc doanh, thu hút nguồn lao động.
3. cung cấp sản phẩm cho nhu cầu ở trong nước và phục vụ xuất khẩu.
4. tạo ra khối lượng nông sản xuất khẩu, góp phần bảo vệ môi trường.

**Câu 80:** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN VÀ GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THỦY SẢN GIAI ĐOẠN 2010-2015

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng sản lượng** *(nghìn tấn)* | **Sản lượng nuôi trồng** *(nghìn tấn)* | **Giá trị xuất khẩu** *(triệu đô la Mỹ)* |
| 2010 | 5 143 | 2 728 | 5 017 |
| 2013 | 6 020 | 3 216 | 6 693 |
| 2014 | 6 333 | 3 413 | 7 825 |
| 2015 | 6 582 | 3 532 | 6 569 |
| 2019 | 8 150 | 4 380 | 8 600 |

# (Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản của nước ta giai đoạn 2010-2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Đường. **B.** Miền. **C.** Kết hợp. **D.** Cột.

----------- HẾT ----------

*Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.*

**ĐÁP ÁN THAM KHẢO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **41** | **42** | **43** | **44** | **45** | **46** | **47** | **48** | **49** | **50** |
| **B** | **C** | **A** | **D** | **A** | **D** | **B** | **D** | **A** | **C** |
| **51** | **52** | **53** | **54** | **55** | **56** | **57** | **58** | **59** | **60** |
| **A** | **D** | **C** | **B** | **C** | **D** | **D** | **C** | **B** | **D** |
| **61** | **62** | **63** | **64** | **65** | **66** | **67** | **68** | **69** | **70** |
| **B** | **A** | **C** | **A** | **D** | **C** | **B** | **A** | **B** | **B** |
| **71** | **72** | **73** | **74** | **75** | **76** | **77** | **78** | **79** | **80** |
| **C** | **D** | **A** | **C** | **B** | **C** | **C** | **B** | **A** | **C** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **ĐÁP ÁN** | **GIẢI CHI TIẾT** |
| **41** | **B** | Nguyên nhân chính làm cho sinh vật biển nước ta ngày càng bị suy giảm là do khai thác quá mức. |
| **42** | **C** | Biện pháp hạn chế xói mòn đất ở đồi núi nước ta là làm ruộng bậc thang, đào hố vẫy cá, trồng cây theo băng. |
| **43** | **A** | Cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ nước ta hiện nay hoạt động CN tập trung chủ yếu ở một số khu vực, ở Bắc Bộ, ĐBSH và phụ cận là vùng có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất nước ta hiện nay. Vùng núi, vùng sâu, vùng xa: CN chậm phát triển, phân bố phân tán, rời rạc |
| **44** | **D** | Vùng códiện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản lớn nhất nước ta là Đồng bằng sông cửu Long. |
| **45** | **A** | Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu của việc sử dụng và cải tạo tài nguyên đất ở Đồng bằng sông Cửu Long là vấn đề nước ngọt, đặc biệt vào mùa khô để thau chua, rửa mặn cho đất. |
| **46** | **D** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5. |
| **47** | **B** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam trang 9. |
| **48** | **D** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam trang 10. |
| **49** | **A** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam trang 12. |
| **50** | **C** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam trang 14. |
| **51** | **A** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam trang 15. |
| **52** | **D** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam trang 19. |
| **53** | **C** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam trang 20. |
| **54** | **B** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam trang 21. |
| **55** | **C** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam trang 22. |
| **56** | **D** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam trang 25. |
| **57** | **D** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam trang 26. |
| **58** | **C** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam trang 27. |
| **59** | **B** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam trang 28. |
| **60** | **D** | Sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam trang 29. |
| **61** | **B** | Căn cứ vào bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ của một số quốc gia năm 2019, Việt Nam xuất siêu thấp hơn Ma-lai-xi-a. |
| **62** | **A** | Theo biểu đồ, nhận xét đúng khi so sánh GDP của Malaixia và Philipin từ năm 2010 đến năm 2019, ta thấy GDP của Malaixia tăng chậm hơn Philipin. |
| **63** | **C** | Nhờ tiếp giáp với biển Đông nên thiên nhiên nước ta lượng mưa lớn, ẩm cao, thiên nhiên bốn mùa xanh tốt giàu sức sống. |
| **64** | **A** | Cơ cấu lao động phân theo thành thị và nông thôn ở nước ta hiện nay đang thay đổi theo hướng giảm tỉ lệ lao động nông thôn, tăng tỉ lệ lao động thành thị. |
| **65** | **D** | Quá trình đô thị hóa ở nước ta hiện nay diễn ra chậm, tỉ lệ dân thành thị tăng, mạng lưới đô thị phân bố không đều giữa các vùng. |
| **66** | **C** | Cơ cấu sản phẩm công nghiệp của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu là để phù hợp hơn với yêu cầu của thị trường và tăng hiệu quả đầu tư. |
| **67** | **B** | Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp nước ta hiện nay đang giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi. |
| **68** | **A** | Ngành nuôi trồng thủy sản nước ta hiện nay có xu hướng giảm tỉ trọng khai thác, tăng tỉ trọng nuôi trồng thủy sản. |
| **69** | **B** | Giao thông vận tải đường hàng không nước ta là ngành non trẻ, có bước tiến rất nhanh nhờ chiến lược táo bạo. |
| **70** | **B** | Các vũng, vịnh nước sâu ven biển nước ta có nhiều tiềm năng để phát triển dịch vụ hàng hải, xây dựng cảng biển nước sâu. |
| **71** | **C** | Kim ngạch xuất khẩu của nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây chủ yếu do tích cực mở rộng thêm nhiều thị trường. |
| **72** | **D** | Thế mạnh chủ yếu để phát triển ngành công nghiệp chế biến lương thưc, thực phẩm ở Đồng bằng Sông Hồng hiện nay là cơ sở nguyên liệu phong phú, thị trường tiêu thụ lớn. |
| **73** | **A** | Điều kiện phát triển của công nghiệp ở Bắc Trung Bộ dựa vào tiềm năng khoáng sản tƣơng đối phong phú ( kim loại, crôm, thiếc..), nhiều nguồn nguyên liệu của ngành nông - lâm - thuỷ sản và lao động dồi dào và tương đối rẻ. |
| **74** | **C** | Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ là khai thác tốt hơn thế mạnh, tạo ra nhiều nông sản hàng hóa. |
| **75** | **B** | Cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển của Bắc Trung Bộ đang có sự thay đổi rõ nét là do đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản nước lợ và nước mặn. |
| **76** | **C** | Biểu đồ thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu, nhập khẩu của nước ta. |
| **77** | **C** | Bắc Bộ có mưa nhiều vào mùa hạ chủ yếu do tác động của gió mùa Tây Nam, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, dải hội tụ và bão.   * Gió mùa Đông Bắc tạo nên một mùa đông lạnh ở miền Bắc với nửa sau mùa đông thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ. * Hoạt động của gió mùa Tây Nam cùng dải hội tụ nhiệt đới là nguyên nhân chủ yếu gây mưa vào mùa hạ cho cả hai miền Nam, Bắc. |
|  |  | - Mùa bão của miền Bắc vào tháng VII, tháng VIII. Bão thường kèm theo mưa to nên là nguyên nhân gây mưa cho đồng bằng Bắc Bộ. |
| **78** | **B** | Chăn nuôi bò sữa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ gần đây được phát triển mạnh do tác động chủ yếu của nguồn thức ăn được đảm bảo, nhu cầu thị trường tăng. |
| **79** | **A** | Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là giải quyết việc làm cho người lao động, tạo nhiều nông sản hàng hóa. |
| **80** | **C** | Theo bảng số liệu, để thể hiện sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản của nước ta giai đoạn 2010-2019, dạng biểu đồ kết hợp là thích hợp nhất. |

**----------- HẾT ----------**